

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2023/KTPT

Ngày: 28/02/2023

V/v “*Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Minh T

Các Thẩm phán: Ông Phạm Hoàng D

Bà Phan Thị Hồng D

- Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Minh Đ - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thanh Bảo T - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 02 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 09/2022/TLPT- KDTM ngày 19 tháng 10 năm 2022 về việc “*Tranh chấp hợp đồng mua bán*”.

Do Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 16/2022/KDTM-ST ngày 16 tháng 06 năm 2022 của Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều, Thành phố Cần Thơ bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 298/2022/QĐ-PT ngày 02 tháng 11 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Công ty TNHH Tư vấn Xây dựng Thương mại Phạm G

Địa chỉ: 290D Cách Mạng Tháng Tám, phường Bùi Hữu Nghĩa, quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Lê Thị Lệ H

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Văn L, sinh năm 1975. (Có mặt)

Bị đơn: Công ty TNHH Xây dựng Minh P

Địa chỉ: Lô 1300 đường B22, KDC 91B, phường An Khánh, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ.

Người đại diện theo pháp luật: Ông **Nguyễn Minh P**

Người đại diện theo ủy quyền: **Ông Huỳnh N**, sinh năm 1997. *(Có mặt)*

Địa chỉ: 116A Tầm Vu, phường Hưng Lợi, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn - Công ty TNHH Tư vấn Xây dựng Thương mại Phạm G trình bày:***

Qua mối quan hệ quen biết, Công ty TNHH XD Minh P (gọi tắt Công ty Minh P) có mua hàng hóa gồm thiết bị ống nước, điện, đèn Led, quạt, sơn... của Công ty TNHH tư vấn XD TM Phạm G (gọi tắt là Công ty Phạm G), cụ thể số hàng và số tiền được ghi trong các phiếu giao hàng và hóa đơn bán lẻ như sau:

1. Phiếu giao hàng ngày 27/10/2018 số tiền 61.868.187đồng.
2. Phiếu giao hàng ngày 30/10/2018 số tiền 4.737.000đồng.
3. Hóa đơn bán hàng ngày 05/11/2018, số tiền 130.000đồng.
4. Phiếu giao hàng ngày 21/11/2018, số tiền 53.088.000đồng.
5. Hóa đơn bán lẻ ngày 21/11/2018, số tiền là 442.000đồng. Tuy nhiên, do giao hàng rồi sau đó thu về nên số tiền này không tính.
6. Phiếu giao hàng ngày 28/11/2018, số tiền 749.000đồng.
7. Phiếu giao hàng ngày 02/12/2018, số tiền 5.234.000đồng.
8. Hóa đơn bán lẻ ngày 13/12/2018 số tiền 558.000đồng.
9. Phiếu giao hàng ngày 10/01/2019, số tiền 14.400.000đồng.
10. Phiếu giao hàng ngày 10/01/2019, số tiền 1.560.000đồng.
11. Phiếu giao hàng ngày 21/01/2019 số tiền là 780.000đồng.
12. Phiếu giao hàng ngày 22/01/2019 số tiền 780.000đồng.

Tổng số tiền là 143.442.000đồng, Công ty Minh P đã trả được 50.000.000đồng (được ghi vào tờ hóa đơn bán lẻ ngày 14/11/2018 là trả cho toa ngày 27/10/2018, 30/10/2018, 05/11/2018, số tiền còn nợ lại là 16.435.000đồng), còn nợ lại số tiền 93.442.000 đồng. Công ty Phạm G nhiều lần nhắc nhở, yêu cầu trả nợ nhưng Công ty Minh P cũng chỉ hứa hẹn mà không thực hiện lời hứa. Do đó, Công ty Phạm G khởi kiện yêu cầu Công ty Minh P trả số tiền 93.442.000đồng và tiền lãi tính từ ngày 01/02/2019 đến khi thanh toán hết nợ với mức lãi suất là 0,96%/tháng.

**** Đại diện bị đơn nộp bản tự khai đề ngày 16/6/2022 của Công ty Minh P có nội dung:***

Khi giao dịch Công ty Minh P đều ký hợp đồng, khi giao nhận hàng nhân viên của Công ty sẽ ký và đóng dấu mộc để xác nhận nghĩa vụ thanh toán. Do đó, không có cơ sở chứng minh có việc mua bán thực tế giữa hai bên. Cụ thể: các phiếu giao hàng không có dấu mộc của bị đơn, không có chứng cứ chứng minh những người ký nhận hàng là nhân viên của bị đơn; trong 5 hóa đơn giá trị gia tăng thì có 02 hóa đơn phát sinh không trùng với thời điểm giao hàng; tổng giá trị 5 hóa đơn lớn hơn số tiền theo đơn khởi kiện của nguyên đơn nên không có công nợ giữa

nguyên đơn và bị đơn từ ngày 22/10/2018 đến ngày 22/01/2019. Tuy nhiên, đại diện bị đơn cũng thừa nhận bị đơn đã thanh toán hết số tiền theo 5 hóa đơn giá trị gia tăng mà nguyên đơn và cơ quan thuế cung cấp nhưng không có tài liệu, chứng cứ chứng minh đã thanh toán tiền.

Tòa án không hòa giải được nên đưa ra xét xử. Tại Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 16/2022/KDTMST ngày 16 tháng 6 năm 2022, Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều đã tuyên xử như sau:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH Tư vấn Xây dựng Thương mại Phạm G: Buộc Công ty TNHH Xây dựng Minh P có trách nhiệm trả cho Công ty TNHH Tư vấn Xây dựng Thương mại Phạm G số tiền 131.286.010 đồng (*Một trăm ba mươi một triệu, hai trăm tám mươi sáu nghìn, không trăm mười đồng*), trong đó nợ gốc là 93.442.000 đồng (*Chín mươi ba triệu bốn trăm bốn mươi hai nghìn đồng*), nợ lãi tính đến ngày 16/6/2022 là 37.844.010 đồng (*Ba mươi bảy triệu tám trăm bốn mươi bốn nghìn không trăm mười đồng*) và tiền lãi phát sinh trên số nợ gốc từ ngày 17/6/2022 theo mức lãi suất 12%/năm cho đến khi dứt nợ.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các bên theo luật định.

Không đồng ý với Bản án sơ thẩm, ngày 07/7/2022, Bị đơn có đơn kháng cáo yêu cầu xem xét lại toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm,

Đại diện bị đơn: cung cấp thêm 4 Hóa đơn giá trị gia tăng ngày 18/19/2018; 20/10/2018; 16/12/2018 và 14/12/2018 để chứng minh hai bên có thực hiện việc mua bán hàng hóa, việc xuất hóa đơn và việc hoàn thuế giá trị gia tăng của Công ty Minh P và xác định Công ty Minh P đã thanh toán xong nợ nên không có căn cứ như nguyên đơn đã đòi nợ, các biên nhận giao hàng 12 lần mà nguyên đơn kiện không liên quan với các hóa đơn thuế giá trị gia tăng. Do vậy, đề nghị sửa án sơ thẩm bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn do nguyên đơn khởi kiện không có căn cứ.

Đại diện của nguyên đơn xác định: Công ty Phạm G đã cung cấp đầy đủ các biên nhận hóa đơn nhận hàng và đây là các giao dịch có thật nên ông giữ nguyên yêu cầu giữ y bản án sơ thẩm đã tuyên, Các hóa đơn đại diện bị cung cấp tại giai đoạn phúc thẩm không liên qua đến nội dung nguyên đơn đã khởi kiện.

**** Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ:***

Về thực hiện pháp luật: Thẩm phán chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý đến khi xét xử theo trình tự phúc thẩm. Các đương sự trong vụ án đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự đối với người tham gia tố tụng. Đơn và thời hạn nộp tạm ứng kháng cáo của bị đơn trong hạn luật định nên được xem là hợp lệ về mặt hình thức.

Về nội dung kháng cáo: Qua phần trình bày của các bên và các tài liệu chứng cứ thể hiện: Thấy rằng:

Nguyên đơn đã cung cấp đầy đủ các hóa đơn biên nhận hàng giữa hai bên. Đối chiếu các chứng từ phù hợp, để xác định giữa nguyên đơn và bị đơn có giao dịch mua bán hàng hóa, có xuất hóa đơn giá trị gia tăng. Nguyên đơn cho rằng bị đơn đã thanh toán một phần và còn nợ lại số tiền 93.442.000 đồng.

Bị đơn cung cấp 4 hóa đơn thuế giá trị gia tăng và đã đối chiếu với Công văn hỏi Sở kế hoạch đầu tư và Cơ quan thuế đối chiếu hóa đơn là phù hợp với giao dịch nguyên đơn khởi kiện.

Phía bị đơn cho rằng đã thanh toán đầy đủ tiền cho nguyên đơn nhưng xác định không có chứng cứ chứng minh. Từ đó cho thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở nên kháng cáo của bị đơn là không có cơ sở.

Do bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả nợ gốc và tiền lãi 12%/năm từ thời điểm ngày tiếp theo của ngày giao dịch cuối cùng như án sơ thẩm xác định là phù hợp.

Do đó, không có cơ sở chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn. Đề nghị: áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015: Giữ Y bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện ý kiến của Kiểm sát viên; ý kiến của những người tham gia tố tụng khác, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết:* Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu về trách nhiệm thanh toán tiền mua bán hàng hóa còn nợ nên cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật là “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa”. Công ty TNHH Xây dựng Minh P, có trụ sở tại quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ. Do đó, Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều thụ lý và giải quyết là đúng thẩm quyền được

quy định tại khoản 1 Điều 30, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về thủ tục tố tụng*: Bị đơn đã được nộp tạm ứng trong hạn luật định nên được xem xét hợp lệ về mặt hình thức. Về nội dung để xét kháng cáo cần thiết đánh giá với tổng thể các chứng cứ có trong hồ sơ vụ kiện, lời khai của các đương sự và các chứng cứ khác.

[3] *Xét yêu cầu kháng cáo của bị đơn*:

Cả nguyên đơn và bị đơn đều xác định giữa hai bên không ký hợp đồng mua bán hàng hóa. Tuy nhiên, qua phần trình bày của các bên; các Hóa đơn giá trị gia tăng, các Hóa đơn bán lẻ, Phiếu giao hàng do nguyên đơn cung cấp; Báo cáo thuế của bị đơn do Chi cục thuế quận Ninh Kiều cung cấp thể hiện giữa nguyên đơn và bị đơn có giao dịch mua bán các thiết bị ống nước, điện, đèn Led, quạt, sơn...như nguyên đơn đã trình bày. Nguyên đơn cho rằng giữa hai bên đã nhiều lần giao dịch mua bán, bị đơn cũng đã thanh toán tiền đầy đủ nhưng đối với số tiền hàng là 143.442.000 đồng của những lần giao hàng sau này bị đơn mới chỉ trả được 50.000.000 đồng, còn nợ lại số tiền 93.442.000 đồng. Dù nguyên đơn nhiều lần nhắc nhở, yêu cầu ký đối chiếu công nợ nhưng bị đơn chỉ hứa ký và thanh toán mà không thực hiện nên nguyên đơn khởi kiện.

[3.1] Hội đồng xét xử xét thấy, tổng số tiền 05 hóa đơn giá trị gia tăng số 169 ngày 18/10/2018, số 171 ngày 20/10/2018, số 201 ngày 13/12/2018, số 203 ngày 14/12/2018, số 207 ngày 16/12/2018 là 214.638.940 đồng. Bị đơn đã kê khai, báo cáo thuế để được khấu trừ thuế giá trị gia tăng. Đại diện bị đơn cho rằng bị đơn đã thanh toán đầy đủ số tiền nêu trên cho nguyên đơn nhưng cũng xác định không có chứng cứ chứng minh cụ thể cho số tiền đã thanh toán được. Do đó, phần trình bày của nguyên đơn về giao dịch mua bán giữa hai bên và số tiền bị đơn còn nợ lại là có cơ sở xem xét. Phía bị đơn đưa ra các lý do việc giao nhận hàng không có chứng cứ chứng minh người nhận hàng là nhân viên của bị đơn, không có dấu mộc của bị đơn, không có hợp đồng nên không có giao dịch mua bán giữa hai bên là không phù hợp.

Tại giai đoạn phúc thẩm đại diện bị đơn cũng đưa lại các hóa đơn đã xuất trình tại phiên tòa sơ thẩm và xác định 4 hóa đơn để chứng minh cho việc trả tiền nhưng không có yêu cầu khấu trừ mà cho rằng đây là căn cứ để trả nợ xong. Thấy rằng, trong 4 hóa đơn có 2 hóa đơn tăng số 169 ngày 18/10/2018, số 171 ngày 20/10/2018, đều là giao dịch trước các ngày nhận hàng mà nguyên đơn đòi nợ và bị

đơn cũng không yêu cầu khấu trừ 2 Hóa đơn còn lại mà chỉ chứng minh cho việc đã thanh toán chung nên không có cơ sở để xem xét đánh giá lại.

Việc bị đơn không thực hiện nghĩa vụ thanh toán tiền hàng đầy đủ nên bị đơn phải trả toàn bộ tiền hàng còn nợ lại và phải chịu tiền lãi là phù hợp. Do các bên không có thỏa thuận ngày thanh toán nhưng theo phiếu giao hàng thì ngày phát sinh nợ là từ ngày 27/10/2018 và phiếu giao hàng cuối cùng là ngày 22/01/2019 nên nguyên đơn yêu cầu tính lãi từ ngày 01/02/2019 là có cơ sở chấp nhận.

[3.2] Về tiền lãi khi bị đơn vi phạm nghĩa vụ: Án sơ thẩm căn cứ theo Điều 306 Luật thương mại năm 2005 và vận dụng phân tích tính mức lãi suất trung bình hiện đang áp dụng của 3 ngân hàng (Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam, Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam, Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam) khoảng 15%/năm như án sơ thẩm vận dụng là có căn cứ.

Do đó, mức lãi nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán là 12%/năm là có lợi cho bị đơn. Tiền lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 16/6/2022) tương ứng là phù hợp nên chấp nhận, theo đó: $93.442.000 \text{ đồng} \times 12\% / \text{năm} \times (3 \text{ năm } 4 \text{ tháng } 15 \text{ ngày}) = 37.844.010 \text{ đồng}$.

Như vậy, tổng cộng gốc và lãi bị đơn có trách nhiệm trả cho nguyên đơn tính đến ngày 16/6/2022 là: 131.286.010 đồng. Bị đơn còn phải tiếp tục chịu tiền lãi trên số nợ gốc từ ngày 17/6/2022 cho đến khi thanh toán hết nợ.

Như đã phân tích, bản án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở. Do đó, yêu cầu kháng cáo của bị đơn không được Hội đồng xét xử chấp nhận. Các phần khác của bản án do không có kháng cáo, kháng nghị nên không đặt ra để xem xét

[4] Về án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm: Do yêu cầu kháng cáo của bị đơn không được chấp nhận nên bị đơn phải nộp án phí.

[5] Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ phù hợp nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

Khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Điều 50, Điều 306 Luật thương mại;

Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn. Giữ Y bản án sơ thẩm.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH Tư vấn Xây dựng Thương mại Phạm G:

Buộc Công ty TNHH Xây dựng Minh P có trách nhiệm trả cho Công ty TNHH Tư vấn Xây dựng Thương mại Phạm G số tiền 131.286.010 đồng (Một trăm ba mươi một triệu hai trăm tám mươi sáu nghìn không trăm mười đồng), trong đó nợ gốc là 93.442.000 đồng (Chín mươi ba triệu bốn trăm bốn mươi hai nghìn đồng), nợ lãi tính đến ngày 16/6/2022 là 37.844.010 đồng (Ba mươi bảy triệu tám trăm bốn mươi bốn nghìn không trăm mười đồng) và tiền lãi phát sinh trên số nợ gốc từ ngày 17/6/2022 theo mức lãi suất 12%/năm cho đến khi dứt nợ.

2. Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Công ty TNHH Xây dựng Minh P phải chịu 6.564.000 đồng (Sáu triệu năm trăm sáu mươi bốn nghìn đồng) - Đã làm tròn số. Hoàn lại cho Công ty TNHH Tư vấn Xây dựng Thương mại Phạm G 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 003352 ngày 30/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ.

3. Án phí phí kinh doanh thương mại phúc thẩm: Công ty TNHH Xây dựng Minh P phải chịu 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng). Chuyển tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0000773 ngày 07/7/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ thành án phí.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án ngày 28/02/2023.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền tự thỏa thuận thi hành án; quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

***Nơi nhận:**

- Đường sự;
- VKSND TPCT;
- TAND Q. Ninh Kiều.
- Cục THADS Q.Ninh Kiều;
- Lưu (2b).

Lê Thị Minh T

